

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4201/TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2022

V/v xử lý thuế hàng SXKK

Kính gửi: Chi nhánh Công ty TNHH OLam Việt Nam tại KCN Biên Hòa II.
(Đường 16A, KCN Biên Hòa II, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

Tổng cục Hải quan nhận được công văn số OVL-BHII/202205-HQ-1 ngày 20/5/2022 của Chi nhánh Công ty TNHH OLam Việt Nam tại KCN Biên Hòa II phản ánh vướng mắc trong việc thực hiện xử lý thuế theo hướng dẫn tại điểm 4 STT 16 công văn số 5529/TCHQ-TXNK ngày 24/11/2021 đối với nguyên liệu nhập khẩu tại chỗ từ kho ngoại quan để sản xuất xuất khẩu theo chỉ định của thương nhân nước ngoài, đã đăng ký tờ khai theo loại hình nhập sản xuất xuất khẩu (mã loại hình E31) từ ngày Nghị định số 18/2021/NĐ-CP có hiệu lực đến ngày công văn số 5529/TCHQ-TXNK ngày 24/11/2021 ban hành. Về vấn đề này, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định “*Khu phi thuế quan là khu vực kinh tế nằm trong lãnh thổ Việt Nam, được thành lập theo quy định của pháp luật, có ranh giới địa lý xác định, ngăn cách với khu vực bên ngoài bằng hàng rào cứng, bảo đảm điều kiện cho hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện, hành khách xuất cảnh, nhập cảnh; quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa giữa khu phi thuế quan với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu*”.

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 quy định “*Khu vực hải quan riêng là khu vực địa lý xác định trên lãnh thổ Việt Nam được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; có quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa với phần lãnh thổ còn lại và nước ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu*”.

Căn cứ khoản 2 Điều 28 Luật Thương mại số 36/2005/QH11 quy định “*Nhập khẩu hàng hóa là việc hàng hóa được đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ nước ngoài hoặc từ khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật*”.

Căn cứ Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 quy định “*Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 7 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu*”. Cơ sở để xác định hàng hóa được miễn thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP.

Căn cứ Điều 10 Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 quy định về điều kiện công nhận kho ngoại quan:

“1. Khu vực đề nghị công nhận kho ngoại quan phải nằm trong các khu vực theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật hải quan; khu vực đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tại quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước; địa bàn ưu đãi đầu tư; khu vực phục vụ hoạt động xuất khẩu hàng hóa nông, lâm, thủy sản sản xuất tập trung.

2. Kho ngoại quan được ngăn cách với khu vực xung quanh bằng hệ thống tường rào, đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát thường xuyên của cơ quan hải quan, trừ kho nằm trong khu vực cửa khẩu, cảng đã có tường rào ngăn cách biệt lập với khu vực xung quanh.

3. Bảo đảm điều kiện làm việc cho cơ quan hải quan như nơi làm việc, nơi kiểm tra hàng hóa, nơi lắp đặt trang thiết bị kiểm tra hải quan, kho chứa tang vật vi phạm theo quy định của Bộ Tài chính.

4. Kho ngoại quan phải có diện tích tối thiểu 5.000 m² (bao gồm nhà kho, bãi và các công trình phụ trợ), trong đó khu vực kho chứa hàng phải có diện tích từ 1.000 m² trở lên. Đối với kho ngoại quan chuyên dùng để lưu giữ một hoặc một số chủng loại hàng hóa có yêu cầu bảo quản đặc biệt thì phải có diện tích tối thiểu 1.000 m² hoặc thể tích chứa hàng tối thiểu 1.000 m³. Riêng đối với kho ngoại quan nằm trong khu vực cảng phải có diện tích tối thiểu 1.000 m². Bãi ngoại quan chuyên dùng phải có diện tích tối thiểu 10.000 m², không yêu cầu diện tích kho.

5. Có phần mềm đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Quản lý hàng hóa nhập, xuất, lưu giữ, tồn trong kho ngoại quan theo từng mặt hàng, đối tượng mua hàng, tờ khai hải quan;

b) Đáp ứng yêu cầu sao lưu, kết xuất dữ liệu để phục vụ công tác báo cáo, thống kê, lưu trữ và được nối mạng trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý.

6. Có hệ thống ca-mê-ra đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Quan sát được các vị trí trong kho ngoại quan. Hình ảnh quan sát được vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ);

b) Dữ liệu về hình ảnh ca-mê-ra được lưu giữ tối thiểu 12 tháng;

c) Hệ thống ca-mê-ra được kết nối trực tiếp với cơ quan hải quan quản lý.

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành chuẩn trao đổi dữ liệu giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan về phần mềm quản lý hàng hóa đưa vào, đưa ra, hệ thống ca-mê-ra giám sát”.

Căn cứ khoản 20 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT: “Hàng hóa chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài. Hàng hóa, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau.

Khu phi thuế quan bao gồm: Khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất, kho bảo thuế, khu bảo thuế, kho ngoại quan, khu kinh tế thương mại đặc biệt, khu thương mại - công nghiệp và các khu vực kinh tế khác được thành lập và được hưởng các ưu đãi về thuế như khu phi thuế quan theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Quan hệ mua

bán trao đổi hàng hóa giữa các khu này với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu”.

Căn cứ quy định nêu trên, kho ngoại quan đáp ứng định nghĩa khu phi thuế quan theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 đồng thời là khu vực hải quan riêng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14, quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa giữa kho ngoại quan với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu. Do đó, trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa từ kho ngoại quan vào nội địa để sản xuất hàng hóa xuất khẩu, đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 thì được miễn thuế nhập khẩu, không thu thuế GTGT theo quy định.

Tổng cục Hải quan thông báo để Chi nhánh Công ty TNHH OLam Việt Nam tại KCN Biên Hòa II biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TXNK-CST (03b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Lưu Mạnh Tường